

BÀI 21

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)

- Câu 1.** Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau 1954?
A. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ. B. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế.
C. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. D. Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn.
- Câu 2.** Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954?
A. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ. B. Đấu tranh chống Mỹ – Diệm.
C. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. D. Giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.
- Câu 3.** Điền vào chỗ trống câu sau: “*Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường.....*”
A. đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang
B. đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị
C. kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh ngoại giao
D. kết hợp giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị
- Câu 5.** Sau khi Pháp rút khỏi nước ta, Mỹ có hành động gì?
A. Biến nước ta thành căn cứ quân sự, tiến đánh Trung Quốc.
B. Ủng hộ chính phủ tay sai Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền.
C. Trực tiếp đưa quân đội và miền Nam thay quân Pháp.
D. Biến miền Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Mỹ.
- Câu 6.** Sau cuộc kháng chiến chống pháp kết thúc, Miền Bắc đã căn bản hoàn thành cuộc cách mạng nào?
A. Cách mạng ruộng đất. B. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
C. Cách mạng xã hội chủ nghĩa. D. Cách mạng xanh trong nông nghiệp.
- Câu 7.** Nét nổi bật nhất về tình chính trị ở Việt Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết là
A. Pháp rút quân khỏi miền Bắc trở về nước. B. miền Nam bầu cử và thành lập chính phủ.
C. nhân dân hai miền tiến hành Tổng tuyển cử. D. đất nước bị chia cắt làm hai miền Nam - Bắc
- Câu 8.** Nhiệm vụ cơ bản nhất của cách mạng nước ta sau 1954 là gì?
A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hỗ trợ cho cách mạng miền Nam.
B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam chống Mỹ -ngụy, miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.
C. miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội chi viện cho miền Nam, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, bảo vệ miền Bắc, thực hiện thống nhất nước nhà.
D. miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà.
- Câu 9.** Mục tiêu chung của cách mạng hai miền sau Hiệp định Giơnevơ là gì?
A. Kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam.
B. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong phạm vi cả nước, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.
C. Kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam, xây dựng CNXH ở miền Bắc.
D. Kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam, thực hiện cách mạng ruộng đất ở miền Bắc.
- Câu 10.** Đường lối thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của Đảng ta trong thời kì chống Mỹ cứu nước là gì?
A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.
C. Tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
D. Đánh Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất Tổ quốc.
- Câu 11.** Ngày 16/5/1955, gắn với sự kiện lịch sử nào sau đây ở miền Bắc Việt Nam?
A. Quân Pháp rút khỏi Hà Nội B. Quân Pháp rút khỏi Hải Phòng
C. Quân Pháp rút khỏi Cát Bà D. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng
- Câu 12.** Miền Bắc có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng cả nước?
A. Có vai trò quyết định nhất B. Có vai trò quyết định trực tiếp
C. Có vai trò to lớn D. Có vai trò tích cực
- Câu 13.** Qua đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã thể hiện triệt để khẩu hiệu nào?

- A. “tác đất, tác vàng” B. “tăng gia sản xuất nhanh, tăng gia sản xuất nữa”
C. “người cày có ruộng” D. “Độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày”

Câu 14. Từ năm 1954 đến 1960, miền Bắc đã làm gì để tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội?

- A. Cải cách ruộng đất. B. Khôi phục kinh tế. C. Cải tạo xã hội chủ nghĩa. D. Tất cả các việc trên.

Câu 15. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), Đảng ta đã có chủ trương gì?

- A. Lấy nông nghiệp làm trung tâm B. Lấy công nghiệp làm trung tâm
C. Lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm D. Lấy thương nghiệp làm trọng tâm

Câu 16. “Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới”. Câu nói đó của ai? Nói vào thời điểm nào?

- A. Trường Chinh, vào năm 1965. B. Chủ tịch Hồ Chí Minh, vào năm 1964.
C. Lê Duẩn, vào năm 1965. D. Phạm Văn Đồng, vào năm 1964.

Câu 17. Nội dung nào không phải là mục tiêu cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu chống Mỹ - Diệm?

- A. Đòi thi hành hiệp định Giơnevơ. B. Bảo vệ hòa bình.
C. Giữ gìn và phát triển lực lượng. D. Lật đổ chính quyền Mỹ - Diệm

Câu 18. Với thắng lợi phong trào Đồng Khởi, đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của đế quốc Mỹ?

- A. “Việt Nam hóa chiến tranh” B. “Chiến tranh cục bộ”
C. “Chiến tranh đơn phương” D. “Chiến tranh đặc biệt”

Câu 19. Đầu năm 1955, khi đã đứng được ở miền Nam Việt Nam tập đoàn Ngô Đình Diệm mở chiến dịch nào?

- A. “tố cộng”, “diệt cộng” B. “đả thực”, “bài phong”, “diệt cộng”
C. “tiêu diệt cộng sản không thương tiếc” D. “thà bắn lầm còn hơn bỏ sót”

Câu 20. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến phong trào Đồng khởi là gì?

- A. Mỹ - Diệm phá hiệp định Giơnevơ, thực hiện “tố cộng, diệt cộng”.
B. Do tinh thần bất khuất, không chịu ách kìm kẹp của nhân dân ta.
C. Do có nghị quyết của Hội nghị 15 của Đảng về đường lối cách mạng miền Nam.
D. Do chính sách của Mỹ - Diệm làm cách mạng miền Nam tổn thất nặng nề.

Câu 21. Ý nào sau đây không phải là ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi”?

- A. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.
B. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.
C. Làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam.
D. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam.

Câu 22. Kết quả nào dưới đây là kết quả lớn nhất của phong trào “Đồng Khởi”?

- A. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở 600 xã ở Nam Bộ, 904 thôn ở Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.
B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị được tập hợp đông đảo.
C. Ủy ban nhân dân tự quản, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.
D. Sự ra đời của Mặt trận Dân Tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960).

Câu 23. Đại hội đại biểu toàn Quốc lần thứ III của Đảng họp ở đâu? Vào thời gian nào?

- A. Chiêm Hóa (Tuyên Quang), từ 11 đến 19/2/1955. B. Tân Trào (Tuyên Quang), từ 10 đến 19/5/1960.
C. Hà Nội, từ 5 đến 12/9/1960. D. Hà Nội, từ 6 đến 10/10/1960.

Câu 24. Đại hội đại biểu lần III của Đảng đã bầu ai làm chủ tịch Đảng và Bí thư thứ nhất?

- A. Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng, Trường Chinh làm bí th thứ nhất ban chấp hành trung ương Đảng.
B. Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng, Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất ban chấp hành trung ương Đảng.
C. Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng, Võ Nguyên Giáp làm Bí thư thứ nhất ban chấp hành trung ương Đảng.
D. Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng, Đỗ Mười làm Bí thư thứ nhất ban chấp hành trung ương Đảng.

Câu 25: Ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định là gì?

- A. “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.
B. “Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam”.
C. “Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc”.
D. “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam”.

Câu 26: Trong “Chiến tranh đặc biệt”, “bình định” miền Nam trong vòng 18 tháng là mục tiêu kế hoạch nào của Mỹ?

- A. Bình định toàn miền Nam. B. Stalây - Taylo

C. Giônxon - Mácnamara.

D. Dồn dân lập “Áp chiến lược”

Câu 27: Trên mặt trận quân sự, chiến thắng nào của ta có tính chất mở màn đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Ba Gia (Quảng Ngãi). B. Ấp Bắc (Mĩ Tho). C. Đồng Xoài (Bình Phước). D. Bình Giã (Bà Rịa).

Câu 28. Âm mưu cơ bản (thâm độc nhất) của đế quốc Mĩ trong “Chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Dồn dân vào áp chiến lược.

B. “Dùng người Việt đánh người Việt”.

C. Bình định miền Nam.

D. Mở rộng chiến tranh ra miền Bắc.

Câu 29. Yếu tố được xem là “xương sống” của “chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Áp chiến lược

B. Ngụy quân.

C. Ngụy quyền

D. Đô thị (hậu cứ)

Câu 30. Chiến thuật được sử dụng trong “chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Càn quét, tiêu diệt lực lượng cách mạng. B. “Bình định” toàn bộ miền Nam.

C. “Trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.

D. Dồn dân, lập “áp chiến lược”

Câu 31. Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo đúng trình tự thời gian.

1. Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho)

2. Phong trào “Đồng khởi”.

3. Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa).

4. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị sụp đổ.

A. 1, 2, 3, 4.

B. 1, 4, 2, 3.

C. 1, 3, 2, 4.

D. 2, 1, 4, 3.

Câu 32. Ý nghĩa của chiến thắng Ấp Bắc là gì?

A. Là chiến thắng quan trọng buộc Mĩ phải “Mĩ hóa” chiến tranh trở lại.

B. Là chiến thắng quan trọng đánh dấu sự phá sản của “chiến tranh đặc biệt”, buộc Mĩ chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

C. Chiến thắng này đã đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang miền Nam, đánh dấu sự phá sản bước đầu của chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” của đế quốc Mĩ.

D. Là cuộc đọ sức đầu tiên, thắng lợi đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Nam với quân viễn chinh Mĩ.

Câu 34. Chiến thắng quân sự nào của ta làm phá sản về cơ bản “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Chiến thắng Ấp Bắc

B. Chiến thắng Bình Giã

C. Chiến thắng Đồng Xoài

D. Chiến thắng Ba Gia

Câu 35. Ý nghĩa của những thắng lợi trên mặt trận quân sự trong đông-xuân 1964-1965 là:

A. Thắng lợi quân sự lớn, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam.

B. Thắng lợi đánh dấu sự sụp đổ cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

C. Thắng lợi quân sự lớn, chứng tỏ quân dân miền Nam có thể đánh bại chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.

D. Thắng lợi quân sự lớn đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của quốc sách “áp chiến lược” của địch.

Câu 36. “Đội quân tóc dài” ra đời trong cuộc đấu tranh chống chiến lược

A. “chiến tranh đơn phương”

B. “chiến tranh đặc biệt”

C. “chiến tranh cục bộ”.

D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 37. Chỗ dựa của “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam là gì?

A. Áp chiến lược

B. Lực lượng ngụy quân, ngụy quyền

C. Lực lượng cố vấn Mĩ

D. Áp chiến lược và ngụy quân, ngụy quyền

Câu 38. Cuộc đấu tranh chính trị nào là tiêu biểu nhất trong năm 1963 của đồng bào miền Nam?

A. Cuộc biểu tình của 2 vạn tăng ni Phật tử Huế (8/5/1963).

B. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Diệm ở Sài Gòn (11/6/1963).

C. Cuộc biểu tình của 70 vạn quân chủng Sài Gòn (16/6/1963).

D. Cuộc Đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm (01/11/1963).

BÀI 21

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)

Câu 1. Sau thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh gì tại miền Nam Việt Nam ?

- A. Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”.
B. Chiến lược “Đông Dương hóa chiến tranh”.
C. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
D. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Câu 2. Mỹ mở đầu chiến lược “Chiến tranh cục bộ” bằng cuộc hành quân vào địa phương nào?

- A. Hành quân vào thôn Vạn Tường (Quảng Ngãi).
B. Hành quân vào Núi Thành (Quảng Nam).
C. Hành quân “tìm diệt”.
D. Hành quân Gianxon Xiti.

Câu 3. Chiến thắng nào mở ra khả năng đánh thắng quân Mỹ trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh cục bộ”?

- A. Chiến thắng “Áp Bắc”.
B. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi).
C. Chiến thắng mùa khô thứ nhất (1965 – 1966).
D. Chiến thắng mùa khô thứ hai (1966 – 1967).

Câu 4. Bước vào mùa khô thứ nhất (1965 – 1966) địch mở đợt phản công hướng chiến lược chính là

- A. Đông Nam Bộ và Liên khu V.
B. Tây Nam Bộ và Liên khu IV.
C. Căn cứ Dương Minh Châu.
D. Vạn Tường (Quảng Ngãi).

Câu 5. Điểm mới trong âm mưu của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

- A. mở rộng chiến tranh xâm lược Cam-pu-chia.
B. mở rộng chiến tranh xâm lược Lào.
C. mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.
D. mở rộng chiến tranh phá hoại Miền Bắc.

Câu 6. Cuộc hành quân “tìm diệt” của Mỹ vào thôn Vạn Tường (Quảng Ngãi) ngày 18/8/1965 mang tên

- A. “Ánh sáng sao”
B. “Xêđaphôn”
C. “Lam Sơn 719”
D. “Attonborơ”

Câu 7. Để hỗ trợ cho cuộc “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, Mỹ đã thực hiện thủ đoạn.

- A. tổ chức hoạt động phá hoại ở Campuchia.
B. tiến hành các cuộc hành quân xâm lược Lào.
C. mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.
D. tổ chức cuộc hành quân xâm lược Đông Dương.

Câu 8. Trong “Chiến tranh cục bộ”, lực lượng nào đóng vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng (Điểm khác biệt với “chiến tranh đặc biệt”)

- A. Quân đội Mỹ và đồng minh Mỹ.
B. Quân đội Mỹ và quân đội ngụy.
C. Quân đội Mỹ.
D. Quân đội ngụy.

Câu 9. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18/8/1965 chứng tỏ điều gì?

- A. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ.
B. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mỹ.
C. Quân viễn chinh Mỹ mất khả năng chiến đấu.
D. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.

Câu 10. Chiến thắng nào của ta đã mở đầu cho cao trào “tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt”?

- A. Chiến thắng Vạn Tường.
B. Chiến thắng Áp Bắc.
C. Chiến thắng Bình Giả.
D. Chiến thắng Ba Gia

Câu 11. Hoàn thiện đoạn tư liệu nói về ý nghĩa của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi):

“Vạn Tường, được coi là(a) đối với quân Mỹ, mở đầu cao trào “tìm Mỹ mà đánh(b)” trên khắp Miền Nam”.

- A. a. “Áp Bắc”, b. “lùng ngụy mà diệt”
B. a. Điện Biên Phủ, b. tay sai mà diệt
C. a. Sài Gòn, b. đánh cho ngụy nhào
D. a. Hà Nội, b. đánh cho ngụy nhào.

Câu 12. Ở thành thị, công nhân, các tầng lớp lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, một số binh sĩ quân đội Sài Gòn... đấu tranh đòi

- A. cơm áo, hòa bình.
B. Mỹ rút về nước, đòi tự do dân chủ.
C. tự do, dân sinh, dân chủ.
D. độc lập, tự do, hạnh phúc.

Câu 13. Cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ và quân Đồng minh trong mùa khô thứ hai (đông xuân 1966-1967) mang tên

- A. “Ánh sáng sao”
B. “Xêđaphôn”
C. “Lam Sơn 719”
D. Gian Xon Xiti

Câu 14. Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược “chiến tranh cục bộ”?

- A. Chiến thắng mùa khô 1965 – 1966.
B. Chiến thắng mùa khô 1966 – 1967.
C. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.
D. Chiến thắng Plâyme, Đất Cuốc, Bàu Bàng.

- Câu 15.** Trong thời kì 1954-1975, hoạt động quân sự nào của quân dân ta ở miền Nam đã làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ?
- A. Phong trào “Đồng khởi” 1959-1960. B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.
C. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972. D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- Câu 16.** Chiến tranh phá hoại Miền Bắc lần thứ nhất diễn ra vào trong khoảng thời gian từ:
- A. Ngày 5/8/1964 đến ngày 1/1/1968 B. Ngày 5/8/1964 đến ngày 1/11/1968
C. Ngày 7/2/1965 đến ngày 1/1/1968 **D. Ngày 7/2/1965 đến ngày 1/11/1968**
- Câu 17.** Âm mưu nào dưới đây không nằm trong âm mưu chiến tranh phá hoại Miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ?
- A. Phá tiềm lực kinh tế, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc.
B. Cứu nguy cho chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở Miền Nam.
C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào Miền Bắc và từ miền Bắc vào Miền Nam.
D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.
- Câu 18.** Mĩ dựng lên sự kiện nào để lấy cớ đánh phá miền Bắc lần thứ nhất ?
- A. Sự kiện Mĩ thất bại ở trận Vạn Tường. B. “Sự kiện vịnh Bắc Bộ”.
C. Quân giải phóng Tổng tiến công xuân Mậu Thân.
D. Sự kiện thất bại trong 2 mùa khô 1965-1966, 1966-1967.
- Câu 19.** Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ có tác dụng như thế nào đến cuộc kháng chiến chống Mĩ?
- A. Buộc Mĩ phải chấp nhận ký hiệp định Pa-ri.
B. Buộc Mĩ phải chấp nhận đàm phán với ta ở Pa-ri.
C. Khẳng định quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta, góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của giặc Mĩ.
D. Buộc Mĩ phải rút quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu về nước.
- Câu 20:** Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” được sử dụng theo công thức nào?
- A. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, tiến hành bằng quân đội Mĩ là chủ yếu + quân ngụy + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.
B. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, tiến hành bằng quân đội Mĩ + quân Đồng minh + quân ngụy + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.
C. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, tiến hành bằng quân đội Mĩ + quân Đồng minh + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.
D. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, tiến hành bằng quân ngụy là chủ yếu + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.
- Câu 21.** Ý nghĩa lớn nhất trong cuộc tổng công kích, tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là gì?
- A. đã làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược.
B. Buộc Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.
C. Mĩ phải đến hội nghị Pari để đàm phán với ta.
D. đây là đòn đánh bất ngờ, làm cho Mĩ không dám đưa quân Mĩ và chư hầu vào miền Nam.
- Câu 22.** Căn cứ vào đâu ta quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968?
- A. Sự thất bại của Mĩ về quân sự trong chiến lược “chiến tranh cục bộ”.
B. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau 2 mùa khô và lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong cuộc bầu cử Tổng thống.
C. Sự giúp đỡ về vật chất, phương tiện chiến tranh của Trung Quốc, Liên Xô.
D. Quân đội Trung Quốc sang giúp ta đánh Mĩ.
- Câu 23.** Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mĩ chuyển sang chiến lược
- A. “Chiến tranh đặc biệt” **B. “Việt Nam hóa chiến tranh”**
C. “Phi Mĩ hóa chiến tranh” D. “chiến tranh Đông Dương”
- Câu 24.** Trong các cuộc hành quân mở rộng xâm lược Campuchia và Lào, Mĩ sử dụng lực lượng quân đội Sài Gòn như
- A. lực lượng đi đầu ở Đông Dương. B. lực lượng mũi nhọn ở Đông Dương.
C. lực lượng xung kích ở Đông Dương. D. lực lượng đông nhất ở Đông Dương.
- Câu 25.** Sự kiện nổi bật nhất đã diễn ra vào ngày 6- 6 - 1969 tại miền Nam Việt Nam là

A. thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

B. thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

C. thành lập Ủy ban giải phóng miền Nam Việt Nam.

D. thành lập Hội thanh niên cứu quốc.

Câu 26. Để đập tan cuộc hành quân mang tên “ Lam Sơn - 719” của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn , quân đội Việt Nam đã phối hợp với

A. quân dân Campuchia. B. quân dân Thái Lan. C. quân dân Miền Điện. **D. quân dân Lào.**

Câu 27. Hướng tiến công chủ yếu của quân ta khi mở cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 là

A. Quảng Trị. B. Thừa Thiên Huế. C. Đà Nẵng. D. Tây Nguyên.

Câu 28. Đến cuối tháng 6 - 1972, quân ta đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là

A. Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn. B. Huế, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

C. Đà Nẵng, Sài Gòn, Đông Nam Bộ.

D. Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Câu 29. Mĩ buộc phải tuyên bố “ Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam sau thất bại của chiến lược

A. “ Chiến tranh đặc biệt”.

B. “ Chiến tranh cục bộ”.

C. “ Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. “ Đông Dương hóa chiến tranh”.

Câu 30. Hoàn thiện đoạn tư liệu nói về âm mưu của Mĩ trong chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh:

“ Với chiến lược “ Việt Nam hóa chiến tranh” , quân Mĩ và quân đồng minh rút dần khỏi chiến tranh để giảm (a) trên chiến trường, đồng thời là quá trình tăng cường lực lượng của quân đội Sài Gòn nhằm tận dụng (b).”

A. a.xác chết, b.người còn sống.

B. a.quân đồng minh, b.quân đội Sài Gòn.

C. a.xương máu người Việt Nam, b.xương máu người Mĩ.

D. a.xương máu người Mĩ, b. xương máu người Việt Nam.

Câu 31. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương được tiến hành trong thời gian nào?

A. Từ ngày 24 đến 30/3/1970.

B. Từ ngày 24 đến ngày 25/4/1970.

C. Từ ngày 24 đến ngày 27/5/1970.

D. Từ ngày 24 đến ngày 25/3/1970.

Câu 32. Ý nghĩa lịch sử của cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 là:

A. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

B. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến tranh thực dân mới của Mỹ.

C. Đánh dấu sự sụp đổ căn bản của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. Đánh dấu sự tan rã hoàn toàn của quân đội Sài Gòn.

Câu 33. Nội dung nào sau đây không nằm trong ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược 1972?

A. Buộc Mĩ tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.

B. Giáng một đòn mạnh mẽ vào quân ngụy và quốc sách “bình định” của “Việt Nam hóa chiến tranh”.

C. Buộc Mĩ phải ngừng ngay cuộc ném bom đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm vào Hà Nội – Hải Phòng.

D. Mở ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ.

Câu 34. Chiến tranh phá hoại Miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mĩ diễn ra vào thời gian nào?

A. Ngày 6/4/1972 đến ngày 29/12/1972. B. Ngày 16/4/1972 đến ngày 29/12/1972.

C. Ngày 6/4/1972 đến ngày 15/1/1973.

D. Ngày 16/4/1972 đến ngày 15/1/1973.

Câu 35. Ví sao nói thắng lợi của quân dân miền Bắc trong việc đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng đường không của đế quốc Mĩ là chiến thắng “Điện Biên phủ trên không”.

A. Vì cuộc chiến đấu xảy ra trên bầu trời Điện Biên Phủ.

B. Vì máy bay Mĩ bị bắn rơi nhiều nhất ở bầu trời Điện Biên Phủ

C. Vì chiến dịch đánh trả máy bay Mĩ mang tên “Điện Biên Phủ trên không”.

D. Vì tầm vóc chiến thắng của quân và dân miền Bắc nên thắng lợi này được coi như trận “Điện Biên Phủ trên không”.

Câu 36. Ý nghĩa lịch sử của việc kí kết Hiệp định Pari năm 1973 đối với nhân dân Việt Nam là:

A. Việt Nam hoàn toàn độc lập.

B. Kết thúc thắng lợi của cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ.

C. Khẳng định thắng lợi to lớn của nhân dân ba nước Đông dương trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

D. Mở ra bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 37. Ngày 24, 25/4/1970, hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm mục đích gì?

A. Bắt tay cùng nhau kháng chiến chống Mĩ.

B. Xây dựng căn cứ địa cách mạng của 3 nước Đông Dương.

C. Đối phó với âm mưu của đế quốc Mỹ và biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mỹ của nhân dân 3 nước Đông Dương.

D. Vạch trần âm mưu “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ

Câu 38. “Việt Nam hóa chiến tranh” thực chất là tiếp tục thực hiện âm mưu gì?

A. Đề cao học thuyết Ních-xon.

B. “Dùng người Việt đánh người Việt”.

C. “Tìm diệt” và “bình định”.

D. Sử dụng quân Mỹ là chủ yếu

Câu 39. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập có ý nghĩa gì?

A. Cách mạng miền Nam đã trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

B. Cách mạng miền Nam đã có đủ cơ sở pháp lý để đấu tranh chống chính quyền Sài Gòn trên mặt trận ngoại giao.

C. Khẳng định những thắng lợi to lớn của cách mạng miền Nam trên mặt trận quân sự

D. Đây là những thắng lợi trong quá trình hoàn chỉnh chính quyền cách mạng miền Nam, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của mặt trận đấu tranh ngoại giao

Câu 40. Điểm giống nhau giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “chiến tranh đặc biệt là

A. Hệ thống cố vấn Mỹ tăng cường trong khi viện trợ tài chính của Mỹ giảm dần.

B. Vai trò quân Mỹ và cố vấn Mỹ giảm dần.

C. Quân đội Sài Gòn là một bộ phận lực lượng chủ lực “tìm diệt”

D. Quân đội Sài Gòn là lực lượng chủ lực.

Câu 41. Tại sao gọi là trận “Điện Biên Phủ trên không”?

A. Thắng lợi có ý nghĩa như “trận Điện Biên Phủ”.

B. Đánh bại cuộc tập kích bằng đường hàng không của Mỹ cuối năm 1972.

C. Buộc Mỹ phải chấp nhận đàm phán ở Pa ri.

D. Buộc Mỹ ký hiệp định Pa ri.

Câu 42. Ý nghĩa quan trọng của Hiệp định Pari đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước là đã?

A. Đánh cho “Mỹ cút”, “ngụy nhào”.

B. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân ta tiến lên đánh cho “Mỹ cút”, “ngụy nhào”.

C. Phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ.

D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “ngụy nhào”.

Câu 43: Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” được sử dụng theo công thức nào?

A. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, tiến hành bằng quân đội Mỹ + quân Đồng minh + quân ngụy + trang thiết bị hiện đại của Mỹ.

B. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, tiến hành bằng quân đội Mỹ là chủ yếu + quân ngụy + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mỹ.

C. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, tiến hành bằng quân đội Mỹ + quân Đồng minh + trang thiết bị hiện đại của Mỹ.

D. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, tiến hành bằng quân ngụy là chủ yếu + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mỹ.

Bài 23: KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)

Câu 1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp tháng 7 năm 1973 là

A. hội nghị lần thứ 15. B. hội nghị lần thứ 20. C. hội nghị lần thứ 21. D. hội nghị lần thứ 23.

Câu 2. Vào khoảng thời gian nào ta mở đợt hoạt động quân sự ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ?

A. Cuối năm 1973 – đầu năm 1974.

B. Đầu năm 1975.

C. Cuối năm 1974 – đầu năm 1975.

D. Đầu năm 1974.

Câu 3. Kế hoạch được Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra trong năm 1975 và 1976 là

A. giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

B. giải phóng hoàn toàn miền Trung.

C. giải phóng hoàn toàn Việt Nam.

D. giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 4. Chiến dịch mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 là

A. chiến dịch Buôn Ma Thuột.

B. chiến dịch Tây Nguyên.

C. chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

D. chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 5. Trận đánh then chốt của chiến dịch Tây Nguyên là

A. Kon Tum

B. Plâyku.

C. Buôn Ma Thuột

D. Đắc Lắc.

Câu 6. Ba chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 là

A. Tây Nguyên, Buôn Ma Thuột, Huế - Đà Nẵng.

B. Tây Nguyên, Buôn Ma Thuột, Hồ Chí Minh.

C. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

D. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Xuân Lộc.

Câu 7. Nơi diễn ra trận đánh nghi binh trong chiến dịch Tây Nguyên (3/1975) là

A. Kon Tum và Buôn Ma Thuột.

B. Plâyku và Kon Tum.

C. Buôn Ma Thuột và Đắc Lắc.

D. Đắc Lắc và Kon Tum.

Câu 8. Thành phố được giải phóng vào ngày 26 tháng 3 năm 1975 là

A. Huế.

B. Đà Nẵng.

C. Quảng Trị.

D. Quảng Ngãi.

Câu 9. Thành phố được giải phóng vào ngày 29 tháng 3 năm 1975 là

A. Huế.

B. Đà Nẵng.

C. Quảng Trị.

D. Quảng Ngãi.

Câu 10. Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch giải phóng

A. thành phố Sài Gòn.

B. thành phố Gia Định.

C. Sài Gòn – Gia Định.

D. Sài Gòn – Thủ Đức

Câu 11. 10 giờ 45 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã diễn ra sự kiện nào ở miền Nam?

A. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức.

B. Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng.

C. Tổng thống Ngô Đình Diệm bị ám sát.

D. Dương Văn Minh lên giữ chức Tổng thống.

Câu 12. Ngày 21 tháng 4 năm 1975 đã diễn ra sự kiện nào ở miền Nam?

A. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức.

B. Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng.

C. Tổng thống Ngô Đình Diệm bị ám sát.

D. Dương Văn Minh lên giữ chức Tổng thống.

Câu 13. 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975 đã diễn ra sự kiện nào ở miền Nam?

A. Xe tăng của ta tiến vào Dinh Độc lập.

B. Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

D. Châu Đốc được giải phóng.

Câu 14. Tỉnh cuối cùng ở miền Nam được giải phóng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 là

A. Châu Đốc.

B. Tây Ninh.

C. An Giang

D. Cà Mau.

Câu 15. Hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975 được Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định chọn là

A. Kon Tum

B. Plâyku.

C. Tây Nguyên.

D. Đắc Lắc.

Câu 16. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên nhằm mục đích

A. bảo vệ miền Nam Trung Bộ.

B. giữ vùng duyên hải miền Trung.

C. chiếm đóng miền Trung Trung Bộ.

D. bảo vệ Nam Bộ.

Câu 17. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 diễn ra trong khoảng

A. gần hai tháng.

B. hơn hai tháng.

C. gần ba tháng.

D. hơn ba tháng.

- Câu 18.** Ngày 21-3-1975, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 quân ta hình thành thế bao vây đối với
- A. thành phố Buôn Ma Thuột. B. thành phố Huế. C. thành phố Đà Nẵng. D. thành phố Sài Gòn.
- Câu 19.** Cuối năm 1974 đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân, trọng tâm ở đâu?
- A. Đồng bằng Nam bộ. B. Trung Bộ
C. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. D. Nam Trung Bộ
- Câu 20.** Thắng lợi tiêu biểu nhất trong các hoạt động quân sự Đông-Xuân Cuối năm 1974 đầu năm 1975 là
- A. chiến dịch Tây Nguyên.
B. Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào.
C. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long.
D. Đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của Mĩ - ngụy Sài Gòn.
- Câu 21.** Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam sau thắng lợi nào?
- A. Chiến thắng Tây Nguyên. B. Chiến thắng Phước Long.
C. Chiến thắng Bình Phước. D. Chiến thắng Đường 9-Nam Lào.
- Câu 22.** Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong bối cảnh thuận lợi nào?
- A. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.
B. Khả năng chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam suy giảm.
C. Quân Mĩ và quân Đồng minh đã rút khỏi miền Nam, ngụy mất chỗ dựa.
D. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.
- Câu 23.** 17 giờ ngày 26-4-1975, quân ta tiến vào trung tâm Sài Gòn bằng mấy cánh quân?
- A. Ba cánh quân. B. Bốn cánh quân. C. Năm cánh quân. D. Sáu cánh quân.
- Câu 24.** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân năm 1975 bắt đầu và kết thúc bằng chiến dịch nào?
- A. Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng. B. Tây Nguyên và Hồ Chí Minh.
C. Tây Nguyên và Châu Đốc. D. Huế - Đà Nẵng và Hồ Chí Minh.
- Câu 25.** Chiến dịch Hồ Chí Minh đã diễn ra trong bao nhiêu ngày?
- A. 5 ngày. B. 10 ngày. C. 15 ngày. D. 20 ngày.
- Câu 26.** Sự kiện nổi bật nào diễn ra lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975 ở Sài Gòn?
- A. Nội các Sài Gòn bị bắt toàn bộ. B. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.
C. Xe tăng ta tiến vào Dinh Độc Lập. D. Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng.
- Câu 27.** Mĩ và chính quyền Sài Gòn rơi vào trạng thái như thế nào sau khi hai phòng tuyến Phan Rang và Xuân Lộc bị chọc thủng?
- A. Tinh thần càng thêm hoảng loạn. B. Yên tâm để giữ Sài Gòn.
C. Bình tĩnh để đối phó với quân ta. D. Tin tưởng vào sức mạnh vũ khí của mình.
- Câu 28.** Tổng thống Mĩ đã làm gì tại cuộc chiến ở Việt Nam sau khi mất Phan Rang (16/4/1975)?
- A. Ra lệnh cho quân ngụy phản công chiếm lại. B. Ra lệnh cho Mĩ tăng thêm viện trợ cho ngụy.
C. Ra lệnh rút quân về bảo vệ Sài Gòn. D. Ra lệnh di tản hết người Mĩ khỏi Sài Gòn.
- Câu 29.** Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975 vì
- A. Tây Nguyên là vùng đông dân.
B. Tây Nguyên là vùng rộng lớn.
C. Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng.
D. Tây Nguyên là địa bàn không được sự quan tâm, đầu tư của Mĩ.
- Câu 30.** Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra kế hoạch giải phóng Huế - Đà Nẵng vì
- A. Huế - Đà Nẵng là hai thành phố đông dân.
B. Huế - Đà Nẵng là hai thành phố giàu có.
C. Huế - Đà Nẵng là trung tâm văn hóa lớn của nước ta.
D. Huế - Đà Nẵng là những căn cứ quân sự lớn để bảo vệ Sài Gòn từ xa.
- Câu 31.** Một trong những ý nghĩa của chiến thắng Phước Long (1/1975) là
- A. thất bại tạm thời của quân ngụy Sài Gòn.

- B. chứng tỏ sự nỗ lực của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.
- C. chứng tỏ sức mạnh của chính quyền Sài Gòn.
- D. chứng tỏ sự suy yếu của quân đội Sài Gòn, khả năng thắng lớn của quân ta.

Câu 32. Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam nhấn mạnh cách mạng miền Nam tiếp tục con đường cách mạng bạo lực vì

- A. Mỹ can thiệp hạn chế vào miền Nam.
- B. lực lượng quân đội Sài Gòn đã suy yếu, bất lực.
- C. lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của ta ngày càng lớn mạnh.
- D. Mỹ và chính quyền Sài Gòn đang phá hoại hòa bình, ngăn cản nhân dân ta thống nhất Tổ quốc.

Câu 33. Sau chiến thắng nào Đảng Lao động Việt Nam hoàn thành chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam?

- A. Chiến thắng Tây Nguyên.
- B. Chiến thắng Phước Long.
- C. Chiến thắng Buôn Ma Thuột.
- D. Chiến thắng Huế - Đà Nẵng.

Câu 34. Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975 vì

- A. ta có một hậu phương vững mạnh.
- B. mùa mưa sẽ khó khăn cho quân ta tấn công địch.
- C. thời cơ chiến lược đã đến sau chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- D. Mỹ đang chuẩn bị tiếp viện khẩn cấp cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 35. Một trong những ý nghĩa quốc tế của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) là

- A. cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.
- B. đem đến hội chứng “sau Việt Nam” đối với nước Mỹ.
- C. làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.
- D. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở các nước.

Câu 36. Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã có quyết định quan trọng nào từ Hội nghị trong bức hình dưới đây?



- A. Đề ra kế hoạch giải phóng miền Trung Trung Bộ.
- B. Đề ra kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc.
- C. Đề ra kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965).
- D. Đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 37. Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã có quyết định quan trọng nào từ Hội nghị trong bức hình dưới đây?



- A. Mở chiến dịch Tây Nguyên.
C. Mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

- B. Mở chiến dịch Hồ Chí Minh.
D. Chiến dịch đường 14 – Phước Long

Câu 38. Mĩ đã có hành động gì qua bức ảnh dưới đây?



- A. Mĩ lên đường tấn công Hà Nội.
C. Mĩ lên đường đến căn cứ Phan Rang.

- B. Mĩ rút khỏi miền Nam Việt Nam.
D. Mĩ đưa quân đến miền Nam Việt Nam.

Câu 39. Ý nghĩa quan trọng của chiến dịch Tây Nguyên là

- A. quân địch rút toàn bộ khỏi Tây Nguyên.
B. làm quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn.
C. giải phóng Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân.
D. chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ sang giai đoạn mới.

Câu 40. Điểm khác nhau cơ bản giữa chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)

- A. là trận quyết chiến chiến lược.
B. ta chủ động tiến công.
C. tập trung lực lượng đến mức cao nhất
D. thực hiện phương châm thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng.

Câu 41. Điểm giống nhau cơ bản giữa chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là

- A. đều là trận quyết chiến chiến lược.
B. đều là một cuộc tiến công chiến lược.
C. đều là một cuộc tổng tiến công và nổi dậy.
D. đều là cuộc tiến công quân sự của lực lượng vũ trang.

Câu 42. Nhận định sau nói về ý nghĩa của thắng lợi nào?

“Thắng lợi đó mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, ..., một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”. Đó là

- A. Giải phóng Huế - Đà Nẵng.
B. Chiến thắng Điện Biên Phủ.
C. Giải phóng Sài Gòn – Gia Định.
D. Kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Câu 43. Nguyên nhân quan trọng nhất đưa đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước là

- A. có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
B. có lòng yêu nước, sự đoàn kết nhất trí, chiến đấu dũng cảm của nhân dân ta.
C. có hậu phương miền Bắc không lớn mạnh, đáp ứng kịp thời cho tiền tuyến.
D. có sự ủng hộ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 51. Một trong những ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam là

- A. buộc Mĩ phải rút quân về nước.
- B. đã giải phóng được thành phố Sài Gòn.
- C. tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ.
- D. làm sụp đổ chính quyền Sài Gòn.

Câu 52. Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam đã sử dụng phương châm đấu tranh chủ yếu nào?

- A. Kết hợp giữa tiến công với nổi dậy.
- B. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
- C. Kết hợp đấu tranh chính trị - quân sự - ngoại giao.
- D. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

Câu 53. Cách đánh của quân ta trong chiến dịch Huế - Đà Nẵng (3/1975) là

- A. nghi binh, tấn công bất ngờ.
- B. bao vây, chia cắt, tiêu diệt.
- C. tấn công bất ngờ.
- D. nghi binh, đánh úp.

Câu 54. Bài học kinh nghiệm nào của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước được vận dụng trong xây dựng Mặt trận Tổ quốc hiện nay?

- A. Phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân.
- B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- C. Sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn.
- D. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Câu 55. Bài học kinh nghiệm nào của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước được vận dụng trong công cuộc xây dựng kinh tế hiện nay?

- A. Phát huy sự đóng góp của mỗi người dân.
- B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- C. Sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn.
- D. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Câu 56. Việt Nam trở thành nơi diễn ra “cuộc đụng đầu lịch sử mang tính chất thời đại và có tầm vóc quốc tế thời kì 1954-1975” vì

- A. Việt Nam có tiềm năng phát triển kinh tế.
- B. Việt Nam là một nước có vị trí chiến lược quan trọng.
- C. Việt Nam là một nước giàu tài nguyên mà Mĩ muốn chiếm.
- D. Việt Nam là nước xã hội chủ nghĩa đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mĩ.

Câu 57. Bài học kinh nghiệm nào của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước được vận dụng trong giải quyết vấn đề biên đảo hiện nay?

- A. Phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân.
- B. Sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn.
- C. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- D. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và quốc tế.

Câu 58. Bài học kinh nghiệm nào của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước được vận dụng trong xây dựng Nhà nước Việt Nam hiện nay?

- A. Phát huy sự đóng góp của mỗi người dân.
- B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- C. Sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn.
- D. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Câu 59. Hậu quả nặng nề mà Mĩ để lại cho nhân dân Việt Nam kéo dài đến ngày nay là

- A. kinh tế bị tụt hậu.
- B. trình độ dân trí thấp.
- C. chất độc màu da cam.
- D. nhiều công trình văn hóa bị phá hủy.

**BÀI 24: VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC NĂM 1975.**

- Câu 1.** Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Liên hợp quốc thời gian
A. 20 - 9-1977. B. 20 -10-1977. C. 21-9-1977. D. 23 -9-1977.
- Câu 2.** Việt Nam trở thành thành viên thứ mấy của Liên hợp quốc?
A. 110 . B. 149. C. 150. D. 160.
- Câu 3.** Quốc hội khóa mấy đã quyết định xây dựng nước Việt Nam thống nhất?
A. Khóa IV. B. Khóa V. C. Khóa VI. D. Khóa VII.
- Câu 4.** Nhiệm vụ cần thiết, trước mắt đối với miền Bắc sau đại thắng mùa Xuân 1975 là
A. bắt tay ngay vào công cuộc tiếp tục xây dựng Chủ nghĩa xã hội.
B. khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.
C. vừa chiến đấu vừa sản xuất chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.
D. làm tròn nghĩa vụ hậu phương và nghĩa vụ quốc tế trong giai đoạn mới.
- Câu 5.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng tình hình chính trị, xã hội miền Nam sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng?
A. Chế độ của Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn sụp đổ.
B. Cơ sở của chính quyền thực dân mới vẫn tồn tại.
C. Cơ sở của chính quyền của Pháp vẫn hoạt động.
D. Những di hại xã hội của xã hội cũ vẫn tồn tại.
- Câu 6 .** Từ 1954 đến 1975, miền Bắc đã đạt được thành tựu gì Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?
A. Chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.
B. Xây dựng xong cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản.
C. Xây dựng xong cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.
D. Xây dựng được những cơ sở vật chất kỹ thuật bước đầu của chủ nghĩa xã hội.
- Câu 7.** Thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có tác dụng tạo nên những điều kiện
A. để miền Nam xây dựng Chủ nghĩa xã hội.
B. để thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
C. xây dựng đất nước, đồng thời đấu tranh bảo vệ tổ quốc.
D. chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước
- Câu 8.** Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa được thành lập đã có bao nhiêu nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao
A. 94. B. 95. C. 96. D. 97.
- Câu 9.** Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội vào năm
A. 1976. B. 1977. C. 1978. D. 1975.
- Câu 10.** Quyết định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa mấy thông qua?
A. Quốc hội khóa VI. B. Quốc hội khóa VII. C. Quốc hội khóa VIII. D. Quốc hội khóa V.
- Câu 11.** Kết quả lớn nhất của kì họp Quốc hội khóa VI là
A. thống nhất về mặt lãnh thổ. B. bầu ra các cơ quan của Quốc hội.
C. bầu ra Ban dự thảo Hiến pháp. D. hoàn thành việc thống nhất về Nhà nước.
- Câu 12.** Nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của nước Việt Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 là
A. thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.
B. mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.
C. khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
D. ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.
- Câu 13.** Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn diễn ra năm
A. 1975. B. 1976. C. 1977. D. 1978.
- Câu 14.** Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn , đã **nhất trí**
A. lấy tên nước là nước Cộng hòa chủ nghĩa xã hội Việt Nam.
C. Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.
D. đổi tên Thành phố Sài Gòn - Gia Định là TP. Hồ Chí Minh.
B. chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
- Câu 15.** Ngày 25-4-1976, nước Việt Nam diễn ra sự kiện chính trị nào sau đây?
A. Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước.
B. Cuộc tổng tuyển cử của cả nước lần thứ hai.
C. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất.

D. Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước

Câu 16. Khó khăn lớn nhất của Việt Nam sau 1975 là

- A. bọn phản động trong nước vẫn còn.
- B. nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.
- C. hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề.
- D. số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao.

Câu 17. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Nam giai đoạn đầu sau 1975 là

- A. Quốc hữu hóa ngân hàng.
- B. Tịch thu ruộng đất của bọn phản động, xóa bỏ bóc lột phong kiến.
- C. Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể ở vùng mới giải phóng.
- D. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa.

Câu 18. Sau năm 1975 miền Bắc tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với

- A. Liên Xô, Trung Quốc.
- B. các nước ở châu Á.
- C. các nước ở Đông Nam Á.
- D. đối với Lào và Campuchia.

Câu 19. Thuận lợi cơ bản nhất của Nước Việt Nam sau 1975 là

- A. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.
- B. Đất nước đã được độc lập, thống nhất.
- C. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.
- D. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Câu 20. Đặc điểm nổi bật của Việt Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 là

- A. sự chia rẽ trong nội bộ mỗi miền.
- B. Nhà nước trong cả nước đã thống nhất.
- C. tồn tại sự chia rẽ trong nội bộ hai miền.
- D. mỗi miền tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau

Câu 21. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bài học cách mạng nào được Đảng ta chủ trương vận dụng để giải quyết vấn đề biển đảo trong giai đoạn hiện nay?

- A. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.
- B. Không ngừng tăng cường và củng cố khối đoàn kết toàn Đảng, toàn dân.
- C. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của Việt Nam.
- D. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và quốc tế.

Câu 22. Cho các sự kiện sau:

1. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.
2. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
3. Nước Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
4. Quốc hội nước Việt Nam quyết định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian.

- A. 2, 1, 4, 3.
- B. 3, 1, 2, 4
- C. 1, 2, 4, 3.
- D. 2, 3, 1, 4

Câu 23. Cho bảng dữ liệu sau. Hãy ghép mốc thời gian ở cột I cho phù hợp với sự kiện lịch sử ở cột II.

I. Thời gian	II. Sự kiện
1). 25-4-1976	a. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
2). 9-1975	b. Nước Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
3). 20/9/1977	c. Quốc hội nước Việt Nam quyết định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
4). 2/7/1976	d. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.

Câu 24. Nội dung nào **được** thông qua trong kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (1976).

- A. Chú trọng khôi phục sản xuất nông nghiệp.
- B. Đề ra nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- C. Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- D. Nhất trí biện pháp thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

Câu 25. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11/1975) được tổ chức tại

- A. Sài Gòn.
- B. Hà Nội.
- C. Huế.
- D. Đà Nẵng.

Câu 26. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại

- A. Hà Nội.
- B. Sài Gòn.
- C. Huế.
- D. Tuyên Quang.

Câu 27. Nội dung nào **không** được thông qua trong kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (1976).

- A. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.
- B. Thành phố Sài Gòn- Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.
- C. Quyết định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

D. Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 28. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước được tiến hành vào thời gian

A. 22/4/1976. B. 25/4/1976. C. 23/4/1976. D. 24/4/1976.

Câu 29. Chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước Việt Nam thống nhất được thông qua tại kì họp thứ nhất Quốc hội khóa

A. III. B. IV. C. V. D. VI.

Câu 30. Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, kinh tế miền Nam Việt Nam trong chừng mực nhất định phát triển theo hướng

A. Tư bản chủ nghĩa. B. Xã hội chủ nghĩa C. Chủ nghĩa cộng sản. D. Công nghiệp hóa.

Câu 31. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế. B. Ổn định tình hình chính trị – xã hội ở miền Nam.
C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước. D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

BÀI 26**ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986-2000)****Câu 1.** Đại hội mở đầu công cuộc đổi mới là

- A. Đại hội IV. B. Đại hội V. C. Đại hội VI. D. Đại hội VII.

Câu 2. Ghép các mốc thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện lịch sử ở cột B.

A	B
1/ 6-1996	a. Đại hội IX.
2/ 4-2001	b. Đại hội VI.
3/ 12-1986	c. Đại hội VII.
4/ 6-1991	d. Đại hội VIII.

Câu 3. Trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước được nêu ra trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI là

- A. Đổi mới về kinh tế. B. Đổi mới về chính trị.
C. Đổi mới về kinh tế và chính trị. D. Đổi mới về văn hoá, xã hội.

Câu 4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng ta đã bầu Tổng Bí thư là

- A. Trường Chinh. B. Đỗ Mười. C. Nguyễn Văn Linh. D. Phạm Văn Đồng.

Câu 5. Quá trình thực hiện đường lối đổi mới (1986-2000) của Đảng ta được thực hiện qua

- A. 2 kế hoạch. B. 3. kế hoạch. C. 4 kế hoạch. D. 5 kế hoạch.

Câu 6. Chương trình kinh tế được đưa lên hàng đầu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986-1990) là

- A. Lương thực, thực phẩm. B. Hàng xuất khẩu.
C. Hàng tiêu dùng. D. Hàng xuất khẩu và tiêu dùng.

Câu 7. Số liệu không đúng trong thành tựu đạt được về lương thực, thực phẩm của kế hoạch 1986-1990 là

- A. Sản xuất lương thực năm 1986 đạt 17 triệu tấn. B. Sản xuất lương thực năm 1987 đạt 17,5 triệu tấn.
C. Sản xuất lương thực năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn. D. Sản xuất lương thực năm 1989 đạt 21,4 triệu tấn.

Câu 8. Năm 1989 số gạo nước ta xuất khẩu là

- A. 1,2 triệu tấn. B. 1,3 triệu tấn. C. 1,4 triệu tấn. D. 1,5 triệu tấn.

Câu 9. Nước mà Việt Nam xuất khẩu gạo nhiều nhất là

- A. Trung Quốc. B. Philippin. C. Malaixia. D. Cuba.

Câu 10. Thành tựu quan trọng nhất trong việc thực hiện mục tiêu của ba chương trình kinh tế (1986-1990) là

- A. Phát triển kinh tế đối ngoại. B. Kiểm chế được một bước đà lạm phát.
C. Đất nước từng bước thoát khỏi khủng hoảng. D. Trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu

Câu 11. Những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới (1986-1990) của Đảng chúng ta

- A. Đường lối đổi mới chưa phù hợp với hoàn cảnh đất nước.
B. Đường lối đổi mới không đúng.
C. Đường lối đổi mới là đúng nhưng bước đi chưa phù hợp.
D. Đường lối đổi mới là đúng, bước đi cơ bản là phù hợp.

Câu 12. Đại hội gần đây nhất đã điều chỉnh, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới của Đảng được đề ra từ đại hội VI là

- A. Đại hội X. B. Đại hội XI. C. Đại hội XII. D. Đại hội XIII.

Câu 13: Tại sao ta phải đổi mới?

- A. Đất nước lâm vào khủng hoảng.
B. Đất nước không lâm vào khủng hoảng.
C. Cần khắc phục những khuyết điểm, đưa đất nước đi lên.
D. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật, sự khủng hoảng trầm trọng ở Liên Xô và các nước XHCN.

Câu 14: Trong quá trình thực hiện kế hoạch nhà nước (1976 - 1985) Đất nước ta vẫn còn có những khó khăn nào?

- A. Không hề còn khó khăn. B. Khủng hoảng về kinh tế - xã hội.
C. Khủng hoảng về chính trị - xã hội. D. Khủng hoảng về kinh tế - chính trị.

Câu 15: Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại Đại hội nào?

- A. Đại hội IV B. Đại hội V. C. Đại hội VI. D. Đại hội VII.

Câu 16: Đại hội toàn quốc của Đảng đánh dấu bước chuyển biến sang thời kì đổi mới là:

- A. Đại hội IV. B. Đại hội V. C. Đại hội VI. D. Đại hội VII.

Câu 17: Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại đại hội VI?

- A. Đổi mới về kinh tế. B. Đổi mới về văn hóa.

C. Đổi mới về chính trị.

D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Câu 18: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu CNXH mà phải làm gì?

A. Làm cho CNXH ngày càng tốt đẹp hơn.

B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.

D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 19: Nội dung trọng tâm công cuộc đổi mới của Đảng?

A. Đổi mới chính trị.

B. Đổi mới văn hóa.

C. Đổi mới kinh tế.

D. Đổi mới xã hội.

Câu 20: Đại hội đề ra đường lối đổi mới diễn ra vào thời gian nào?

A. Năm 1985.

B. Năm 1986.

C. Năm 1987.

D. Năm 1988.

Câu 21: Trọng tâm của đổi mới là lĩnh vực nào?

A. Văn hóa.

B. Kinh tế.

C. Chính trị.

D. Tổ chức, tư tưởng.

Câu 22: Đường lối đổi mới của Đảng diễn ra trong lĩnh vực kinh tế - xã hội là

A. Đổi mới toàn diện đồng bộ, đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới xã hội, trọng tâm là đổi mới về kinh tế.

B. Đổi mới toàn diện và đồng bộ, đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị, trọng tâm là đổi mới chính trị.

C. Đổi mới toàn diện và đồng bộ, đổi mới chính trị gắn liền đổi mới tư tưởng, trọng tâm là đổi mới về chính trị.

D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ, đổi mới kinh tế phải gắn liền đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới về kinh tế.

Câu 23: Đây là nội dung không nằm trong đường lối đổi mới về chính trị của Đại hội VI

A. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

B. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

C. Chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

D. Xây dựng nhà nước pháp quyền tư bản chủ nghĩa.

Câu 24: Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?

A. Từ 15 đến 18/12/1985

B. Từ 10 đến 18/12/1986

C. Từ 15 đến 18/12/1986

D. Từ 20 đến 25/12/1986

Câu 25: Mục tiêu của ba chương trình kinh tế: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong Đại hội nào của Đảng?

A. Đại hội IV

B. Đại hội V

C. Đại hội VI

D. Đại hội VII

Câu 26: Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.